

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,
nuôi con, cấp dưỡng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;

- Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Kim C, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trương Cà T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Đặng Thị Kim C trình bày:

Chị và anh Trương Cà T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu được 04 năm, tổ chức đám cưới tháng 02-2004, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 19-10-2005 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện C. Sau khi cưới, chị đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh đến khi có con thì nghỉ về sống tại ấp A, xã LT trên đất của cha mẹ chị cho, anh T cũng nghỉ nghề giữ xe về sống cùng chị. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì anh T đi mua bán sào riêng ở Đăk Lăk nên có quen với người phụ nữ khác. Anh T bỏ đi lần đầu 08 tháng mới trở về, khi về được 02 tuần thì lại bỏ đi luôn cho đến nay

không quan tâm gì đến vợ con. Vì muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con nên chị gọi điện khuyên anh T quay về nhưng anh T chặn điện thoại của chị và vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Theo chị biết thì hiện nay anh T đã có vợ con khác, sống ở Đắc Lắc nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể, anh T vẫn còn hộ khẩu tại ấp 12, xã Long Trung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trương Đăng Trọng T1, sinh ngày 17-7-2009 và Trương Đăng Thành N, sinh ngày 19-10-2004 hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh T bỏ đi từ năm 2015 đến nay không cấp dưỡng. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng một tháng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được vì hiện nay chị có buôn bán nhỏ và làm thợ may nên một mình lo được cho con nhưng không đầy đủ.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết, để các bên tự thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Trương Cà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đặng Thị Kim C và anh Trương Cà T tranh chấp về ly hôn; anh T cư trú tại ấp A, xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn, chị Đặng Thị Kim C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Trương Cà T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị C.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Kim C và anh Trương Cà T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75, ngày 19-10-2005. Sau khi đám cưới vào năm 2004, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì anh T quen người phụ nữ khác và bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị C cho rằng có khuyên anh T trở về nhưng không được, vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn. Mặc dù, nguyên nhân dẫn đến ly hôn do chị C nêu, nhưng anh T không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy chị C và anh T sống ly thân đã lâu nhưng cả hai không có biện pháp gì hàn gắn, không

còn quan tâm đến nhau. Phía anh T cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh T không còn quan tâm đến hôn nhân với chị C. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị C và anh T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị C là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trương Đăng Trọng T1, sinh ngày 17-7-2009 và cháu Trương Đăng Thành N, sinh ngày 19-10-2004. Hai cháu hiện đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, phía anh T không có ý kiến gì về việc này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp. Chị C nuôi con nên có quyền yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, xét mức cấp dưỡng mà chị C yêu cầu 1.000.000 đồng/cháu/tháng là hợp lý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh T đều không yêu cầu về phần này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị Kim C là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kim C. Cho chị Đặng Thị Kim C được ly hôn với anh Trương Cà T.

2. Về con chung:

Giao hai cháu Trương Đăng Trọng T1, sinh ngày 17-7-2009 và cháu Trương Đăng Thành N, sinh ngày 19-10-2004 cho chị Đặng Thị Kim C là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Trương Cà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đặng Thị Kim C mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu (Hai cháu là 2.000.000 đồng mỗi tháng).

Thực hiện cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Trương Cà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Đặng Thị Kim C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001504 ngày 10-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

Anh Trương Cà T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Kim C, anh Trương Cà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã LT, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực